

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 343/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 31-3-2025.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Th.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Đ;
- Ông Phạm Văn T1.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Chiêm Tiền Quý N - Thư ký, Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị T2 - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng X, sinh năm 1986;

Bị đơn: Ông Văn Phú T3, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ thường trú: Số 189/10 Đường số 12, phường B1, quận B, Thành phố H; Cùng địa chỉ liên lạc: Số 189/30 Đường số 12, phường B1, quận B, Thành phố H. (Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, Bà X, trình bày: Bà và ông T3 chung sống năm 2007, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 215, quyền 02/2007 ngày 05/12/2007 của UBND phường B1, quận B cấp. Bà cho rằng trong quá trình chung sống thì có nhiều bất đồng quan điểm, không hòa hợp, ông T3 rất gia trưởng, thường xuyên có hành vi bạo lực và đã có 04 lần đánh bà. Ông T3 không quan tâm con cái, không chia sẻ bất cứ công việc gia đình nào với vợ. Ngoài ra, ông T3 thường xuyên nhậu nhẹt và có đi karaoke, mát-xa không lành mạnh. Bản thân bà phải tự lo và làm tất cả mọi việc trong gia đình từ chăm sóc con cái cho đến việc gia đình. Do mâu thuẫn kéo dài nên bà xác định không còn tình cảm với ông T3, không thể tiếp tục chung sống với

nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T3. Trong quá trình chung sống, có 02 con chung là Văn Nguyễn Lam P, sinh ngày 12/12/2009 và Văn Phú K, sinh ngày 09/10/2014. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ K và trẻ P, bà không yêu cầu ông T3 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, bà không yêu cầu giải quyết; về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

Ông Văn Phú T3, trình bày: Ông xác nhận những lời khai của Bà X về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn là hoàn toàn đúng sự thật nên không bổ sung gì thêm. Ông cho rằng trong quá trình chung sống thì vợ chồng có bất đồng quan điểm nhưng không nhiều, đôi khi đi tiếp khách thì ông có nhậu nhưng không bê tha và lúc cãi nhau, do bà X thách thức nên ông có khoảng 04 lần vung tay đánh bà X. Ở nhà, thì bà X dạy các con học, còn những việc chăm sóc khác là do hai vợ chồng cùng thực hiện. Từ tháng 01/2025 đến nay, ông đã cố gắng thay đổi rất nhiều từ tính cách đến phụ giúp nhiều hơn những việc gia đình để hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Ông xác định vẫn còn thương yêu bà X và mong muốn được tiếp tục chung sống nên không đồng ý ly hôn với bà X. Ông T3 xác nhận có 02 con chung là Văn Nguyễn Lam P, sinh ngày 12/12/2009 và Văn Phú K, sinh ngày 09/10/2014, trong trường hợp bà X vẫn kiên quyết ly hôn, ông đồng ý giao cho bà X được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ K và trẻ P; về tài sản chung, ông không yêu cầu giải quyết; về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác, ông xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn: Bà X vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông T3; về con chung, có 02 con là Văn Nguyễn Lam P, sinh ngày 12/12/2009 và Văn Phú K, sinh ngày 09/10/2014, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ K và trẻ P, bà không yêu cầu ông T3 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, bà không yêu cầu giải quyết; về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác không có nên bà không yêu cầu giải quyết. Bà có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Ông T3 vẫn giữ ý kiến: không đồng ý ly hôn với bà X; về con chung, ông đồng ý giao cho bà X được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ K và trẻ P; về tài sản chung, ông không yêu cầu giải quyết; về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác, ông xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết; không yêu cầu giải quyết. Ông có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định. Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà X được ly hôn với ông T3; về con chung, giao cho bà X được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Văn Phú K và Văn Nguyễn Lam P. Ghi nhận sự tự nguyện của bà X không yêu cầu ông T3 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác, do các đương sự không có yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà X có đơn yêu cầu ly hôn với ông T3, bị đơn có địa chỉ tại số 189/30 Đường số 12, phường B1, quận B. Đây là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H.

[1.1] Bà Nguyễn Thị Hồng X và ông Văn Phú T3 cùng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Bà X và ông T3 tự nguyện chung sống năm 2007, có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 215, quyển 02/2007 ngày 05/12/2007 của UBND phường B1, quận B, Thành phố H cấp, đây là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do mâu thuẫn nên bà X có đơn yêu cầu ly hôn với ông T3.

[2.1] Qua yêu cầu của bà X và ý kiến của ông T3, Hội đồng xét xử xét thấy, hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên cơ sở tình thương yêu của cả vợ chồng, đôi bên phải thật sự tin yêu, tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau nhưng hiện tại thì bà X đã không còn tha thiết chung sống với ông T3 nữa.

Ngày 14/3/2025, Tòa án nhân dân quận B tham khảo ý kiến về tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà X và ông T3 tại UBND phường B1, quận B, có kết quả trả lời: *“UBND phường B1 thông tin đến quý cơ quan như sau: UBND phường không nhận được yêu cầu giải quyết hòa giải tranh chấp nên không rõ mâu thuẫn phát tranh chấp giữa các đương sự”*.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải, tác động để hàn gắn, đoàn tụ nhưng bà X vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông T3, còn ông T3 cho rằng trong quá trình chung sống thì có bất đồng quan điểm nhưng không nhiều, đôi khi đi tiếp khách thì ông có đi nhậu nhưng không bê tha, ông xác định vẫn còn thương yêu bà X nên không đồng ý ly hôn, ông T3 cũng cho rằng từ tháng 01/2025 cho đến nay đã cố gắng thay đổi tính cách, phụ giúp việc gia đình nhiều hơn để hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn nhưng qua nhiều lần hòa

giải đề đôi bên đoàn tụ thì bà X xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên vẫn kiên quyết ly hôn với ông T3 và ông T3 thì đã không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, đồng thời cũng thừa nhận có khoảng 04 lần đánh Bà X. Như vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng của bà X và ông T3 đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc tiếp tục chung sống là không còn ý nghĩa mà có thể tác động xấu đến sự phát triển của các con chung. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà X đối với ông T3 là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ nhưng phải dựa trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Bà X và ông T3 có 02 con chung là Văn Nguyễn Lam P, sinh ngày 12/12/2009 và Văn Phú K, sinh ngày 09/10/2014. Khi ly hôn, bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Văn Phú K và Văn Nguyễn Lam P. bà X không yêu cầu ông T3 cấp dưỡng nuôi con. Qua yêu cầu của bà X, ông T3 cũng đồng ý giao cho bà X được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Văn Nguyễn Lam P và Văn Phú K, đồng thời 02 trẻ K và P cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Văn Phú K và Văn Nguyễn Lam P của bà X là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng đúng với nguyện vọng của các trẻ, nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, bà X và ông T3 cùng xác định không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.4] Về nợ chung và các nghĩa vụ án sự khác, bà X và ông T3 cùng khai nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà X được ly hôn với ông T3; về con chung, giao cho bà X được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Văn Phú K và Văn Nguyễn Lam P. Ghi nhận sự tự nguyện của bà X không yêu cầu ông T3 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác, do các đương sự không có yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tại phiên Tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên bà X phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 220; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016 của UBTVQH.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng X.

1.1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Hồng X được ly hôn với ông Văn Phú T3.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 215, quyển 02/2007 ngày 05/12/2007 của UBND phường B1, quận B, Thành phố H cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Hồng X được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Văn Phú K, sinh ngày 09/10/2014 và Văn Nguyễn Lam P, sinh ngày 12/12/2009. Ghi nhận sự tự nguyện của bà X không yêu cầu ông T3 cấp dưỡng nuôi con.

Ông Văn Phú T3 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng X và ông Văn Phú T3, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

1.4. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Nguyễn Thị Hồng X và ông Văn Phú T3 cùng xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0076517 ngày 12/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố H. Bà Nguyễn Thị Hồng X đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại địa P.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích quy định về quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận B;
- CC THADS quận B;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ; VP (N).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)
Nguyễn Thành T